

14 MỞ BÀI KẾT BÀI ÔN THI THPT QUỐC GIA MÔN VĂN

14 MỞ BÀI NÂNG CAO

1, Việt Bắc

“Chín năm làm một Điện Biên
Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng”

(Hoan hô chiến sĩ Điện Biên – Tố Hữu)

Đã từ lâu mảnh đất Tây Bắc – Điện Biên được coi là quê hương của kháng chiến, quê hương của những anh hùng, đây là mảnh đất trung du nghèo khó mà nặng ân tình khiến ai đã đặt chân đến đây cũng phải bồi hồi, xuyến xao. Mảnh đất ấy đã trở thành niềm thương, nỗi nhớ cho những ai đã từng đến rồi lại phải đi. Có người đã từng nói: “Thơ chỉ trào ra khi trong tim anh mọi thứ đã thật ứ đầy”, chính những niềm thương, nỗi nhớ trào dâng ấy đã tạo ra những rung động mãnh liệt trong cảm xúc để rồi nhà thơ Tố Hữu – Một người lính đã từng gắn bó với mảnh đất này viết nên tác phẩm “Việt Bắc” – tuyệt tác của đời mình. Tác phẩm là một khúc tình ca và cũng là khúc hùng ca về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến. Bài thơ được viết ra như lời hát tâm tình của một mối tình thiết tha đầy lưu luyến giữa người kháng chiến và đồng bào Việt Bắc được thể hiện qua lăng kính trữ tình- chính trị, đậm tính dân tộc và ngòi bút dạt dào cảm xúc của thi nhân.

2, Tây Tiến

“Đó là cuộc chia ly chói ngời sắc đỏ
Tươi như cánh nhận lai bông

...

Khi Tổ Quốc cần họ biết sống xa nhau”

(Cuộc chia ly màu đỏ – Nguyễn Mỹ)

Chiến tranh đi qua đã để lại cho chúng ta những hoài niệm về những tháng năm không thể nào quên, đó là khi con người ta nhận ra sứ mệnh của mình sinh ra là để chiến đấu, là để báo thù, đó là những con người sẵn sàng gác lại tuổi trẻ, việc học hành, tình cảm cá nhân vị kỉ để đi theo tiếng gọi của Tổ Quốc... Những con người ấy đã đi vào trong thơ ca, nghệ thuật như những huyền thoại của thế kỉ 20 mà nhà thơ Quang Dũng đã thể hiện thật xuất sắc thông qua lăng kính lãng mạn nhưng vẫn đậm chất hiện thực của mình qua bài thơ Tây Tiến. Tác phẩm đã khắc họa thành công bức tượng đài người lính Tây Tiến trong những năm đầu của cuộc

kháng chiến chống Pháp gian khổ.

3, Sóng

Từ trước đến nay, tình yêu luôn là thứ không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người. Xuân Diệu đã từng viết:

“Làm sao sống được mà ko yêu
Không nhớ không thương một kẻ nào”

(Bài thơ tuổi nhỏ – Xuân Diệu)

Đó cũng là lý do tình yêu được đưa rất nhiều vào trong thơ ca và nghệ thuật, trở thành nguồn cảm hứng bất tận với nhiều thi nhân. Có rất nhiều những nhà thơ, nhà văn từng viết về tình yêu nhưng có lẽ sâu sắc nhất phải kể đến 2 cây bút thơ tình xuất sắc của nền văn học Việt Nam, đó là Xuân Diệu và Xuân Quỳnh. Nếu như Xuân Diệu từng làm mưa làm gió khiến người đọc nhớ mãi khi đặt tất cả dấu ấn tình yêu mãnh liệt của mình với “Biển” thì Xuân Quỳnh – một nhà thơ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mỹ đã thể hiện tình cảm người con gái qua hình ảnh “Sóng”. Khi nhắc đến tên tuổi của Xuân Quỳnh, từ trong tiềm thức của mỗi người yêu văn chương đều biết tiếng thơ chị là tiếng nói nhân hậu, thủy chung, giàu trực cảm và tha thiết khát vọng hạnh phúc đời thường. Một trong số những tác phẩm xuất sắc nhất của Xuân Quỳnh phải kể đến tập “Hoa dọc chiến hào” với linh hồn là bài thơ “Sóng” được tác giả viết nhân một chuyến đi thực tế ở biển Diêm Điền năm 1967.

4, Tùy bút người lái đò Sông Đà

MB1:

"Tuổi hai mươi khi hướng đời đã thấy
Thì xa xôi gặp mấy vãn lên đường.
Sống ở thủ đô mà dạ đề mười phương.
Nghìn khát vọng chất chồng mơ ước lớn."

(Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên)

Hòa chung với không khí sôi nổi của cả nước khi Miền Bắc tiên lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội với xu hướng đi đến những vùng cao để phục hồi kinh tế với tiếng hát đầy sông, đầy cầu thì Nguyễn Tuân đã lựa chọn Tây Bắc làm miền đất hứa để viết lên tuyệt tác của đời mình. Ông không đi theo lối mòn khi viết về những “cái tôi” còn buồn như Huy Cận, Chế Lan Viên – Những “cái tôi” luôn cô đơn trước vũ trụ, cô đơn giữa dòng đời. Nguyễn Tuân đã khéo léo

để “cái tôi” cá nhân của mình hòa chung với “cái ta” của cộng đồng và mở ra một trào lưu văn học mới để rồi tất cả được kết tinh trong tập “Tùy bút Sông Đà” mà linh hồn của nó chính là “Tùy bút Người lái đò Sông Đà”. Nguyễn Tuân là một nhà văn cả đời say mê đi tìm cái đẹp, cái đẹp ở đây chính là nghệ thuật, mà khi nói đến nghệ thuật cũng chính là cái đẹp, với Nguyễn Tuân, con người chính là tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời nhất mà tạo hóa đã ban tặng. Cái đẹp ấy được Nguyễn Tuân phát hiện ra trong “thứ vàng mười đã qua thử lửa” của Tây Bắc, ở những con người đang gắn bó với công cuộc xây dựng quê hương, đất nước. Chất vàng mười ấy chính là vẻ đẹp của người lái đò sông Đà, dưới ngòi bút điêu luyện của Nguyễn Tuân đó vừa là người anh hùng, vừa là nghệ sĩ tài hoa trên chính nghề nghiệp của mình.

MB2:

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hóa những con tàu”

(Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên)

Tây Bắc đã trở thành vùng đất hứa của thi ca nghệ thuật những năm 58-60 khi miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, các nhà văn nhà thơ đến với nơi đây để tìm cho mình những nguồn cảm hứng mới. Ta từng biết đến Tô Hoài với tập “truyện Tây Bắc” mà nổi bật là truyện ngắn “Vợ Chồng A Phủ”, hay Nguyễn Khải cũng đã từng xôn xao lòng mình với “Mùa Lạc” thì Nguyễn Tuân lại thăng hoa trên mảnh đất này với tập “Tùy bút Sông Đà” với linh hồn là bài kí “Người lái đò Sông Đà”. Là một nhà văn đi theo chủ nghĩa xê dịch, dấu chân của Nguyễn Tuân đã đi khắp mảnh đất hình chữ S này, nhưng ông lại chọn Tây Bắc làm nơi cho ra đời đứa con đẻ tinh thần của mình là bởi chỉ có nơi đây mới thỏa mãn thực đơn cho nhãn quan sáng tác của ông. Tùy bút sông Đà là những trang văn được viết bằng ngôn ngữ điêu luyện, những đoạn tả đèo cao, vực sâu, thác nước dữ dội, hoặc cảnh thiên nhiên đẹp đến tuyệt đỉnh, nhưng lấp lánh giữa những vẻ đẹp ấy là hình ảnh con sông Đà hiện lên vừa hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng rất nên thơ, trữ tình và lãng mạn.

5, Tuyên Ngôn Độc Lập

“Nam quốc sơn hà nam đế cứ
Tiệt nhiên phận định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”

Là những lời thơ thần của Lý Thường Kiệt vang dội trên sông Như Nguyệt để đánh đuổi quân Tống xâm lược cũng như khẳng định chủ quyền độc lập của dân tộc ta dưới thời nhà Lý. Sau hàng nghìn năm nhân dân Việt Nam sống dưới chế độ quân chủ, trăm năm Pháp thuộc, 5 năm phát xít... thì giờ đây thực dân Pháp đang âm mưu quay lại cướp nước ta lần nữa dưới chiêu bài lừa bịp công luận quốc tế “bảo hộ” và “khai hóa”, để khẳng định chủ quyền độc lập của dân tộc ta cũng như vạch mặt, tố cáo thực dân Pháp thì chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho ra đời Bản Tuyên Ngôn Độc Lập. Đây là một áng văn chính luận mẫu mực của nền văn học Việt Nam hiện đại, kết tinh những tinh hoa của dân tộc và khí phách non sông, mang giá trị pháp lí, giá trị lịch sử và cả giá trị nghệ thuật cao cả. Trước sự chứng kiến của hơn 50 vạn đồng bào cả nước tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, bằng bút pháp lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, dẫn chứng hùng hồn và giọng đọc đặc biệt thì Bản Tuyên Ngôn độc lập đã khơi dậy lòng yêu nước nồng nàn, thấm nhuần vào từng con tim, khối óc con người Việt Nam.

6, Ai đã đặt tên cho dòng sông

Một lần anh đến Huế thơ

Gặp cô gái đẹp say mơ giấc nồng

Sông Hương quyến rũ lạ lùng

Em choàng tỉnh giấc ngượng ngùng nhìn tôi

Sông Hương đã đi vào thơ ca nghệ thuật như một niềm cảm hứng bất tận đối với tất cả văn nghệ sĩ, nhưng dù là trong tác phẩm nào đi chăng nữa sông Hương vẫn luôn mang một dáng vẻ vô cùng dịu dàng, quyến rũ khiến ai cũng phải mê đắm ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên. Có lẽ Hoàng Phủ Ngọc Tường đã “phải lòng” sông Hương – xứ Huế như một lần gặp gỡ định mệnh để rồi gắn bó với mảnh đất này hơn 40 năm. Trước những rung động của một mối tình say đắm trong những trang Kiều để từ đó nhà văn dành cho sông Hương một bài kí trang trọng. Cả bài kí dường như là cuộc hành trình tìm kiếm cho câu hỏi đầy khắc khoải “Ai đã đặt tên cho dòng sông”. Và cuộc tìm kiếm, lý giải cái tên của dòng sông đã trở thành cuộc tìm kiếm đầy hào hứng và say mê không chỉ về đẹp của diện mạo hình hài mà còn là độ lắng sâu của tâm hồn và rung động. Con sông xứ Huế hiện lên trong cuộc tìm kiếm của Hoàng Phủ Ngọc Tường đã không chỉ là con sông địa lý mà là một sinh thể, một con người “sông Hương quả thực là Kiều, rất Kiều” vừa xinh đẹp, vừa tài hoa, vừa thẳng thắn chìm nổi cùng

lịch sử lại vừa đắm thắm lắng sâu với nền văn hoá riêng của nó.

7, Hồn Trương Ba- Da Hàng Thịt

Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi
Như tiếng gọi ngàn đời không khuất phục
Đất nước giống như con thuyền xuyên gió mạnh
Những mối tình trong gió bão tìm nhau.

(Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi...– Lưu Quang Vũ)

Từ những năm 60 của thế kỉ trước, Lưu Quang Vũ đã khẳng định tên tuổi của mình bằng việc sáng tác thơ ca, ngay từ đầu ông đã tạo được dấu ấn về một lối viết tài hoa, nồng nàn cảm xúc toát lên tình yêu quê hương, đất nước tha thiết, mà Hoài Thanh đã từng nhận định rằng “Thơ anh là một tiếng nói nhỏ nhẹ mà sâu”. Từ năm 1978, Lưu Quang Vũ bắt đầu chuyển sang lĩnh vực sân khấu. Có thể khẳng định “Sân khấu mới là mảnh đất của người nghệ sĩ tài ba này”.. Cảm hứng chủ đạo trong kịch Lưu Quang Vũ là cảm hứng về con người, về cái đẹp, cái thiện, cái tôi hoà tan trong cái ta. Ở đó tính thời sự được kết hợp với những vấn đề muôn thuở của nhân loại mà tiêu biểu đó là vở “Hồn Trương Ba da hàng thịt”. Đó là cuộc giao tranh giữa cái thiện và cái ác, cuộc giao tranh này là muôn đời muôn kiếp từ khi khai sinh cho đến ngày không còn trái đất thì vẫn còn giao tranh thiện ác. Cho nên có người đã từng nói “kịch Lưu Quang Vũ là có tính vĩnh cửu”

8, Đất Nước

Đất nước đã nghiêng vào trong thơ ca, nghệ thuật như một điểm hẹn về tâm hồn của rất nhiều văn nghệ sĩ. Xuân Diệu đã từng viết:

Tổ quốc tôi như một con tàu
Mũi thuyền ta đó mũi Cà Mau

Hay Chế Lan Viên đã không kìm được lòng mình mà thốt lên rằng:

Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng
Chưa đâu và cả trong những ngày đẹp nhất
Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc
Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn

Thi Nguyễn Khoa Điềm – Một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ đã gặp gỡ đề tài này

trung tâm kết nối tác phẩm bằng hình tượng nghệ thuật trung tâm là Đất Nước. Bằng là phong cách thơ trữ tình chính luận. Thơ Nguyễn Khoa Điềm lôi cuốn người đọc bởi xúc cảm lắng đọng, giàu chất suy tư, thể hiện tâm tư của người trí thức tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu của nhân dân. Nguyễn Khoa Điềm đã chọn cho mình điểm nhìn gần gũi, quen thuộc, bình dị, khác hẳn với những nhà thơ cùng thời để miêu tả về Đất Nước và để thể hiện quan niệm vô cùng mới mẻ và sâu sắc:

“Đất nước này là của nhân dân

Đất nước của nhân dân, đất nước của ca dao, thần thoại”.

9, Vợ Chồng A Phủ

MB 1:

“Tinh thần và sức mạnh bất khuất của cả nước được nuôi dưỡng và phát triển trong những cánh rừng đại ngàn Tây Bắc. Sống với những ngọn thác dữ dội, những núi đá hùng vĩ, những vạt rừng âm u là các dân tộc thiểu số anh em. Đời sống sinh hoạt của họ khác nhau nhưng tinh thần kháng Pháp thì là một.” Đó là lời chia sẻ về cuộc sống những ngày đi thực tế ở Tây Bắc đã để lại trong Tô Hoài những điều dễ thương, dễ nhớ nhất. Những cảm xúc ấy đã được kết tinh thành tập “Truyện Tây Bắc” mà lấp lánh nhất có lẽ là truyện ngắn “Vợ Chồng A Phủ”, Tác phẩm được tổ chức chặt chẽ, rất sinh động và tự nhiên, không cần những nút thắt quá biến động nhưng vẫn thu hút được bạn đọc là bởi tác giả đã có cái nhìn hiện thực sắc bén. Nhà văn Nga Sê-khốp nói: “Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”. Thông qua lăng kính đầy tình yêu thương, lòng nhân ái tác giả đã thể hiện được chủ nghĩa nhân đạo tích cực, mới mẻ chưa từng có trên diễn đàn văn chương Việt Nam. Được thể hiện thông qua cuộc đời, số phận 2 nhân vật Mị và A Phủ. Hai nhân vật trung tâm từ trong bóng tối đau khổ, ô nhục đã vươn ra ánh sáng của hạnh phúc, tự do.

MB2:

Một tác phẩm văn học chỉ thực sự có giá trị khi nó lên tiếng vì con người, ca ngợi và bảo vệ con người. Bởi Nam Cao đã từng nói “Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp sống lầm than” (Trăng Sáng). Chúng ta đặc biệt trân trọng những tác phẩm được kết tinh bước phát triển của chặng đường văn học này, trong đó xuất sắc nhất vẫn phải kể đến “Vợ Chồng A Phủ” của nhà văn Tô Hoài.

10, Vợ Nhặt

Kim Lân được ví như một loại đồ cổ quý hiếm cất giữ trong đó là những hạt bụi vàng văn hóa thâm sâu của nền văn minh sông Hồng. Ông trở thành nhà văn của những số phận thiệt thòi, những kiếp người cùng khổ của làng quê Việt Nam giữa thế kỉ XX. Các nhân vật của ông đều mang hình bóng của tác giả, là con người hiền hậu, chất phác và giàu yêu thương, tình nghĩa. Vợ Nhặt là một tác phẩm tiêu biểu của Kim Lân được in trong tập Con Chó Xấu Xí năm 1962. Nhà văn đã dùng Vợ nhặt để làm cái đòn bẩy để nâng con người lên trong tình nhân ái. Câu chuyện Vợ nhặt đầy bóng tối nhưng từ trong đó đã lóe lên những tia sáng ấm lòng.

11, Rừng Xà Nu

“Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”

Đã có những tháng ngày như thế, những tháng ngày đất nước hừng hực sức sôi trong khí thế của cuộc kháng chiến gian khổ mà anh hùng. Mảnh đất Tây Nguyên đã đi vào văn chương như một huyền thoại về những con người “đẹp từ như trong chân lí sinh ra”, những con người mang vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt như những Cây xà nu cao lớn chống lại kẻ thù để bảo vệ quê hương, đất nước. Nguyễn Trung Thành đã tái hiện xuất sắc vẻ đẹp đậm tính sử thi ấy thông qua truyện ngắn “Rừng xà nu” được in trong tập “Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc”. Rừng xà nu đã đem lại ngỡ ngàng cho người đọc khi một truyện ngắn mà phản ánh được cả một cuộc đấu tranh chống Mỹ nguy của người dân Tây Nguyên, vì vậy tính sử thi càng được tô đậm rõ nét hơn thông qua cách xây dựng nhân vật, hình tượng cây xà nu và ngôn ngữ của tác phẩm.

12, Những đứa con trong gia đình

Viết về lòng yêu nước, sự chuyển giao thế hệ cầm súng để đánh giặc có lần ta đã từng bắt gặp trong thơ Tố Hữu ở hình ảnh:

“Lớp cha trước lớp con sau
Đã thành đồng chí chung câu quân hành”

(Tiếng hát sang xuân)

hay Nguyễn Quang Sáng với tác phẩm “Chiếc lược ngà” với hình ảnh cô giao liên Thu nhanh nhẹn, thông minh, vào chiến trường để vừa trả thù cho cha vừa đánh giặc cứu nước. Thi đến với tác phẩm “Những đứa con trong gia đình” của nhà văn Nguyễn Thi tác giả đã viết về một gia đình lớn với những nét tính cách không giống nhau nhưng cùng chung một lý tưởng lớn:

“Ôi tổ quốc ta yêu như máu thịt

Như mẹ cha ta, như vợ như chồng”

Nhân vật của Nguyễn Thi hiện ra như những bức chân dung rõ rệt, sống động qua bút pháp miêu tả nhân vật điêu luyện. Đó là những người nông dân Nam bộ sống bộc trực, thẳng thắn, nghĩa tình, họ là những con người yêu nước nồng nàn, có lòng căm thù giặc cao độ, họ đẹp trong chiến đấu, họ đẹp trong đời thường, họ đẹp như những dòng kênh nước bạc nơi đây. Toàn bộ vẻ đẹp ấy được kết tinh trọn vẹn nhất ở hai nhân vật Chiến và Việt.

13, Chiếc thuyền ngoài xa

Nguyễn Minh Châu là một nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, vì vậy nhân quan và ngòi bút của ông cũng xoay vần theo những biến động của lịch sử. Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Minh Châu tỏa sáng trong thời kì kháng chiến chống Mĩ khi ông viết về thế hệ con người Việt Nam trong chiến tranh hào hùng, phi thường, dũng cảm, dám gạt bỏ ước mơ của mình để cống hiến cho độc lập dân tộc, ta đã từng bắt gặp những con người như thế, đó là Nguyệt và Lâm trong truyện ngắn “Mảnh trăng cuối rừng”. Nhưng đến những năm 80 của thế kỉ XX, Nguyễn Minh Châu lại một lần nữa mở ra cánh cửa văn chương của mình khi ông chính là người đã tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học, nhà văn đã nhìn cuộc đời bằng cái nhìn khác, bằng đôi mắt khác và bắt đầu cho mình cảm hứng mới về đạo đức, thế sự mà phản ánh chính bằng con người. Dù ở hoàn cảnh nào thì Nguyễn Minh Châu cũng có cái nhìn thấu hiểu, trĩu nặng tình thương và mối âu lo với con người, bởi vậy trong Trăng sáng, Nam Cao đã nêu quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh của mình: nhà văn phải thấy rằng dưới cỏi nhân gian mà ánh trăng đang bao phủ ruột nà, nơi người nghệ sĩ mặc sức cho trí tưởng tượng của mình bay bổng là bao cuộc đời cực nhục, vất vả. Truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu có thể coi như là một sự minh họa tiếp tục cho quan điểm ấy.

14, Đàn ghi ta của Lorca

Thanh Thảo là một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Ông là một nhà thơ có xu hướng cách tân thơ Việt để tạo cho mình những tiếng nói riêng ấn tượng. Thanh Thảo đã từng quan niệm: “ Với những bài thơ hay, thi sĩ phải sáng tạo bằng cả thể xác lẫn tâm linh mình.. phân tích điện, phân thu góp là cả một quá trình nhưng sáng tạo thì lại là khoảnh khắc. Khoảnh khắc ấy càng xảy ra càng đột ngột bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu”. Bài thơ Đàn ghi ta của Lorca là một sản phẩm tuyệt vời của quá trình tích điện, thu góp và sáng tạo ấy. Bài thơ tái hiện vẻ đẹp của người nghệ sĩ Gracia Lorca- Nhà thơ vĩ đại nhất Tây Ban Nha thế kỉ XX, qua đó thể hiện những suy nghiệm thâm trầm về nỗi đau và niềm hạnh phúc của những cuộc đời đã hiến dâng cho cái đẹp. Nhà thơ đi sâu vào biểu hiện cái tôi nội cảm với những đôi mắt về hình thức nghệ thuật qua thể thơ siêu thực tượng trưng độc đáo những năm 80 thế kỉ XX.

14 KẾT BÀI NÂNG CAO

1, Vợ nhặt

Trên phong nền u ám của nạn đói, của cái chết, tiếng quạ kêu thê thiết với mùi đồng dân khét lẹt, Kim Lân vẫn pha vào đó một chút màu sắc ấm áp của hạnh phúc lứa đôi, lóe lên hy vọng về một ngày mai tươi sáng, về sự thay đổi vận hội. Thông qua tình huống dở khóc dở cười vô cùng trớ trêu đó, Tác giả ngầm khẳng định một chân lý mà Nguyễn Khải đã thể hiện trong "Mùa Lạc": "Sự sống nảy sinh từ trong lòng cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong gian khổ hy sinh. Ở đời này không có con đường cùng mà đây chỉ là những ranh giới. Điều cốt yếu là con người phải chuẩn bị cho mình một sức mạnh để có thể vượt qua những ranh giới ấy."

2, Vợ chồng A Phủ

"Văn học là cuộc đời...Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học", mỗi người nghệ sĩ lớn đều ý thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa văn học và đời sống. Đời sống là nguồn đề tài không bao giờ vơi cạn cho những sáng tác đầy này nờ, bước đi trên từng nẻo đường là một giọt chất chiu tư tưởng được hình thành. Qua tác phẩm "Vợ chồng A Phủ, ta thấy không chỉ cáo lỗi quan lại phong kiến bị lên án tố cáo, Tô Hoài còn phát hiện, ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất và khát vọng tự do hạnh phúc, cùng sức sống mãnh liệt trong tâm hồn người lao động. Đó chính là chủ nghĩa nhân đạo Cách mạng, gắn tình thương với đấu tranh, gắn niềm tin vào tương lai đầy triển vọng của con người. Đó chính là sự diễn tả hợp lý những

ngịch cảnh, những diễn biến phức tạp trong tâm hồn Mị, giúp nhà văn phần nào đạt đến cái gọi là "phép biện chứng tâm hồn". Cùng với cốt truyện sáng tạo, tình huống truyện độc đáo hấp dẫn, nghệ thuật kể chuyện giản dị, "Vợ chồng A Phủ" vẫn giữ nguyên vẹn sức hấp dẫn của mình qua hàng thập kỉ.

3, Rừng xà nu

"Tôi yêu say mê cây xà nu. Ấy là một cây hùng vĩ và cao thượng, man dại và trong sạch. Mỗi cây cao vút, vạm vỡ ứ nhựa. Tán lá vừa thanh vừa rậm rỏi, mênh mông, tưởng như đã sống ngàn đời, còn sống đến ngàn đời sau." Trong dụng ý miêu tả của mình, Nguyễn Trung Thành đã lựa chọn những cánh rừng xà nu cạnh con nước lớn và chạy bát ngát đến tận chân trời làm phong nền cho tác phẩm. Để từ đó xuất hiện những người anh hùng và những hành động anh hùng của người Tây Nguyên. Những hành động kiên cường anh dũng của họ mãi được lịch sử ghi nhận và cuộc đời, hành động của họ mãi mãi trở thành trang sử thi bất hủ của dân tộc. Và trong những đêm huyền thoại với ngọn lửa bùng bùng soi rọi, những khan dừ thi anh hùng mãi được hát lên, được ghi nhớ và được kể lại cho muôn đời sau. Và đâu đó, âm vọng trong núi, trong nước, trong cánh rừng và trong tâm trí người Xô Man vẫn còn ccau nói trầm trầm đầy uy lực của cụ Mết: "Nhớ lấy, ghi nhớ,... Chúng nó cầm súng, mình phải cầm mác".

4, Những đứa con trong gia đình

Những năm tháng trôi đi và lịch sử không ngừng biến động nhưng "Những đứa con trong gia đình" mãi là bông hoa không tuổi tựa mùa xuân không ngày tháng đã ghi lại quá khứ hào hùng, sôi động của đất nước mình một thuở. Vẻ đẹp con người Việt Nam đã làm nên cái hồn của cả dân tộc và góp phần làm cho tác phẩm còn sống mãi với thời gian. Văn học thời kì chống Mĩ cứu nước đã bắt được nhịp sống của dân tộc, đã ngợi ca sức sống và vẻ đẹp của con người Việt Nam. Giờ lật lại, chúng ta không khỏi tự hào, xúc động về những năm tháng đất nước nước mình đã đi qua, về vẻ đẹp muôn đời của người con đất Việt. Và ta mãi cất lên những bài ca không quên – bài ca viết về quê hương, viết về con người bởi tự hào biết mấy hai tiếng: Việt Nam.

5, Đất nước

Đề tài về đất nước luôn luôn là một cảm hứng cho mọi nền văn học nhất là nền văn học của một dân tộc mà tình yêu nước luôn luôn bị đem ra thử thách. Thành công về đề tài này đã nhiều nhưng "Đất nước" của Nguyễn Khoa Điềm vẫn có một tiếng nói riêng, một sự khám

phá riêng với một phong cách riêng. , góp vào vườn thơ về đất nước hai bông hoa đẹp nhất tỏa hương thơm đến muôn đời, muôn thế hệ.

6, Sóng

Xuân Quỳnh viết bài thơ này vào những năm 1967, khi cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam ở vào giai đoạn ác liệt, khi thanh niên trai gái ào ào ra trận “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, khi sân ga, bến nước, gốc đa, sân trường diễn ra những cuộc chia ly màu đỏ. Cho nên có đặt bài thơ vào trong hoàn cảnh ấy ta mới càng thấy rõ nỗi khát khao của người con gái trong tình yêu

"Khi ta còn trẻ, thơ là người mẹ
Ta lớn lên rồi, thơ là người bạn, người yêu
Chăm sóc tuổi già, thơ là con gái
Lúc chết đi rồi, kỉ niệm hóa lưu thơ"

Đọc xong bài thơ “Sóng” ta càng ngưỡng mộ hơn những con người phụ nữ Việt Nam, những con người luôn thủy chung, luôn sống hết mình vì một tình yêu. Xuân Quỳnh xứng đáng là một nhà thơ nữ của tình yêu lứa đôi, bà đã làm phong phú hơn cho nền thơ nước nhà.

7, Tây Tiến

Đọc Tây tiến, cái ta cảm nhận được không chỉ là vẻ đẹp hào hùng, hào hoa, sự hy sinh bi tráng của người lính Tây Tiến mà vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng của thiên nhiên miền Tây. Tất cả hiện lên thật rõ nét trong nỗi nhớ của nhân vật trữ tình, nỗi nhớ thương chưa khi nào nguôi dứt. Có thể nói, với Tây Tiến, Quang Dũng đã xây dựng thành công bức tượng đài bất hủ về người lính trong kháng chiến chống Pháp. Khói lửa chiến tranh đã qua đi, lịch sử dân tộc cũng đã bước sang trang mới, nhiều người thuộc đoàn quân Tây Tiến năm xưa giờ đây đã trở thành thiên cổ, trong đó có cả nhà thơ Quang Dũng hào hoa... Đúng như những vần thơ Gian Nam từng viết:

"Tây Tiến biên cương mờ khói lửa
Quân đi lớp lớp động cây rừng
Và bài thơ ấy, con người ấy
Vẫn sống muôn đời với núi sông."

8, Việt Bắc

Giọng thơ lục bát nhẹ nhàng mà sâu lắng kết hợp với kết cấu xưng hô "ta - mình", bài thơ ôm

chứa niềm lạc quan, vui sống và tin tưởng vào cuộc sống con người Việt bắc. Nó mang âm điệu trữ tình, thể hiện tình yêu thiên nhiên, con người tha thiết và tấm lòng yêu nước thiết tha của Tố Hữu. Cuối bài thơ vang lên tiếng hát ngọt ngào khơi gợi bao kỉ niệm. Kỉ niệm ấy theo mãi dấu chân người đi và quần quýt bên lòng kẻ ở lại.... Lời thơ giản dị mà trong sáng thể hiện niềm rung động thật sự trước vẻ đẹp của núi rừng và con người Việt Bắc. Nổi nhớ trong thơ của Tố Hữu đã đi vào tâm hồn người đọc, như khúc dân ca ngọt ngào để lại trong lòng ta những tình cảm sâu lắng, dịu dàng, như nhà thơ Chế Lan Viên đã từng viết:

"Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất đã hòa tâm hồn!"

9, Ai đã đặt tên cho dòng sông

Có thể nói "Ai đã đặt tên cho dòng sông" đã mang đến những phát hiện mới lạ và độc đáo của sông Hương cho độc giả cả nước. Nó là một dòng sông hùng vĩ, man dại ở khúc thượng nguồn rồi trở nên mê đắm, thủy chung khi gặp được người tình trong mộng của mình là Huế. Sông Hương không vô tri vô giác mà nó có cảm xúc và có tình yêu. Tác phẩm đã thể hiện được tình yêu quê hương xứ sở nồng nàn của Hoàng Phủ Ngọc Tường, một kí giả nặng lòng với Huế:

"Dòng sông ai đã đặt tên
Để người đi nhớ Huế không quên
Xa con sông mang bao nỗi nhớ
Người ở lại tháng năm đợi chờ."

10, Người lái đò sông Đà

Viết về người lái đò sông Đà, viết về một vùng quê hương Tổ quốc, Nguyễn Tuân đã thể hiện nguồn xúc cảm yêu thương tha thiết đối với người lao động và thiên nhiên đất nước. Sông Đà càng đẹp, càng sinh động, ông lái càng anh dũng, ngoan cường trong công việc ta càng thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của nhà văn – Người lao động trong tác phẩm Nguyễn Tuân thật bình dị từ công việc đến hình dáng, cách ăn nói. Nhưng ông ta lại là người anh hùng trước mắt Nguyễn Tuân. Nhà văn đã phát hiện ra trong con người bình dị ấy chất nghệ sĩ tài hoa, dám đương đầu với sóng to gió lớn để chèo chống con thuyền qua sông. Ông lái hiện lên trong tác phẩm là người lao động hăng hái, quên mình vì công việc. Cuộc sống quanh ta vốn dĩ rất tầm thường, cũ kĩ. Ngày lại qua ngày, mây vẫn bay và gió vẫn thổi...nhưng chính nhà

vẫn là người mang lại cho ta một thế giới mới, tinh khôi, kì diệu. Nguyễn Tuân cũng là một nhà văn, một người góp phần sáng tạo lại thế giới. Văn chương của Nguyễn Tuân đã mang đến cho chúng ta một chân trời huyền bí riêng biệt, hấp dẫn và độc đáo. Đó là chân trời của cái đẹp, của sự tài hoa và uyên bác...

11, Lorca

Để lòng mình ngân theo chuỗi âm thanh ấy, ta hiểu rằng trong cuộc tương tranh không ngừng và hết sức thú vị giữa những cách diễn tả đặc hữu của văn học và cách diễn tả mang tính chất ám gợi huyền hồ của âm nhạc, cuối cùng, ở bài thơ của Thanh Thảo, cách diễn tả của âm nhạc đã chiếm ưu thế. Điều này hiển nhiên là một sự lựa chọn có ý thức. Để nói về nỗi cô đơn, cái chết, sự lặng yên, “lời” vẫn thường gây vướng víu, gây nhiễu. Chỉ có nhạc với khả năng thoát khỏi dấu ấn vật chất của sự vật khi phản ánh nó, trong trường hợp này, là phương tiện thích hợp. Tất nhiên, Thanh Thảo không phải đang làm nhạc mà là làm thơ. Nói nhạc ở đây không có gì khác là nói tới cách thơ vận dụng phương thức của nhạc – cái phương thức ám thị, khước từ mô tả trực quan – để thấu nhập bề sâu, “bề xa” của sự vật. Từ lâu, các nhà thơ tượng trưng chủ nghĩa đã hướng tới điều này. Dù không nhất thiết phải quy “Đàn ghita của Lor-ca” vào loại hình thơ nào, ta vẫn thấy nó đậm nét tượng trưng. Chẳng có gì lạ khi với bài thơ này, Thanh Thảo muốn thể hiện mối đồng cảm sâu sắc đối với Lorca - cây đàn thơ lạ lùng trong nền thi ca nhân loại ở nửa đầu thế kỉ XX đầy bi kịch.

12, Chiếc thuyền ngoài xa

Có thể thấy cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm Nguyễn Minh Châu trước năm 1975 là cảm hứng anh hùng cách mạng, còn sau năm 1975 là cảm hứng về nhân cách con người, là hành trình “khám phá con người bên trong con người” (Bakhtin). Theo mạch cảm hứng ấy, năm 1982 Nguyễn Minh Châu viết truyện ngắn Bức tranh; trong ý nghĩ tự phản xét, nhân vật họa sĩ đã vẽ một bức chân dung tự họa nhằm thể hiện “khuôn mặt bên trong của chính mình”. Đáng lưu ý là, nếu trong truyện Bức tranh, Nguyễn Minh Châu hướng cái nhìn nghệ thuật vào thế giới nội tâm thì trong truyện Chiếc thuyền ngoài xa, Nguyễn Minh Châu lại hướng cái nhìn nghệ thuật ra thế giới bên ngoài, ra cuộc sống đời thường. Nếu truyện Bức tranh là sự tự nhận thức, tự phê phán của con người dưới ánh sáng của lương tâm, đạo đức, thì truyện Chiếc thuyền ngoài xa là sự nhận thức và phê phán cái xấu, cái ác trong cuộc sống thường ngày. Cả hai tác phẩm đều được viết dưới sự chỉ đạo của quan điểm nghệ thuật: chỉ ra mặt